

Số: /SGDDĐT-GDĐT-GDNN&ĐH
V/v hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh
cao đẳng năm 2026

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Trường THPT, Trường PT nhiều cấp;
- Trung tâm GDĐT Hải Phòng;
- Trung tâm GDĐT - Tin học, Ngoại ngữ Hải Dương;
- Trung tâm GDNN - GDĐT.

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 về việc Ban hành kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDĐT ngày 04/5/2026 về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1060/SGDDĐT-GDĐT-GDNN&ĐH ngày 25/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học, và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2026;

Sở GDĐT yêu cầu các trường THPT, trường PT nhiều cấp, trung tâm GDĐT Hải Phòng, Trung tâm GDĐT - Tin học, Ngoại ngữ Hải Dương; Trung tâm GDNN-GDĐT sau đây gọi chung là các trường trung học phổ thông (THPT) và các thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2026 thực hiện các yêu cầu sau:

I. Đối với các trường THPT

- Nghiên cứu đầy đủ nội dung Công văn số 2304/BGDĐT-GDĐT ngày 04/5/2026 về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức quán triệt tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Phân công cụ thể trách nhiệm cho các thành viên tham gia công tác hỗ trợ tuyển sinh; đảm bảo thường trực hỗ trợ thí sinh trong suốt thời gian đăng ký.

- Chủ động theo dõi tiến độ, đơn đốc thí sinh thực hiện đúng thời gian quy định.
- Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc hướng dẫn, nhắc nhở thí sinh.
- Đối với các trường tiếp nhận thí sinh tự do: quản lý thông tin liên hệ đầy đủ để kịp thời hỗ trợ khi cần thiết.

II. Đối với thí sinh

- Nghiên cứu kỹ các quy định trong Công văn số 2304/BGDĐT-GDDT ngày 04/5/2026 về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện đầy đủ, chính xác các bước đăng ký trên hệ thống theo quy định.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của toàn bộ thông tin đăng ký dự tuyển.
- Chủ động liên hệ với điểm tiếp nhận khi cần hỗ trợ.
- Thường xuyên cập nhật thông tin tuyển sinh để kịp thời điều chỉnh (nếu có).

Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai tại các đơn vị; xử lý nghiêm các trường hợp thực hiện không đúng quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần hỗ trợ, liên hệ về Sở GDĐT qua các đồng chí sau:

Ông Cao Chiến Thắng – SĐT: 0902.215.886; Ông Nguyễn Danh Đông - SĐT: 0989.092.286; Ông Nguyễn Huy Quang - SĐT: 0982.556.607; Ông Lê Văn Hậu - SĐT: 0919.232.903 (GV TT GDTX Hải Phòng-Thành viên BCD); Ông Nguyễn Thế Anh - SĐT: 0766.388.555 (GV TT GDTX Hải Phòng-Thành viên BCD)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- PGĐ Đinh Minh Tuấn;
- Lưu: VT, GDTX-GDNN&ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Minh Tuấn

PHỤ LỤC 01
KHU VỰC ƯU TIÊN

*(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng)*

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC 02

CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

*(Kèm theo Công văn số: /BGDDT-GDDH ngày / /2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. Các quy định về khu vực ưu tiên (Khoản 1 Điều 7 Quy chế tuyển sinh)

Ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng xác định theo khu vực trường thí sinh theo học.

Thí sinh khai báo trên Hệ thống mã trường THPT theo năm học lớp 10,11,12 để Hệ thống xác định khu vực ưu tiên.

Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát cập nhật khu vực của trường THPT và tương đương lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo mã tỉnh sau khi sáp nhập, đồng thời hướng dẫn thí sinh lựa chọn đúng mã trường nơi thí sinh theo học để hưởng ưu tiên khu vực.

2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các cơ sở giáo dục THPT và tương đương có sự thay đổi chế độ ưu tiên

Đối với các cơ sở giáo dục THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, cơ sở giáo dục sẽ được gán một mã cơ sở giáo dục khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại cơ sở giáo dục THPT chọn và điền đúng mã cơ sở giáo dục theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực.

3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- TẢI các minh chứng để được hưởng ưu tiên theo quy định tại Phụ lục VIII lên Hệ thống.

- Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các CSĐT đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.

- Các điểm tiếp nhận xác thực đối tượng ưu tiên cho thí sinh trên Hệ thống.

- Các CSĐT tải các minh chứng về ưu tiên đối tượng trên Hệ thống để kiểm tra, rà soát và lưu trữ theo quy định.

4. Xác định mức điểm ưu tiên

- Các quy định “điểm xét tốt nghiệp” trong quy chế được hiểu là một điều kiện (ngưỡng đảm bảo chất lượng) để thí sinh đăng ký tuyển sinh vào các CSĐT đối với CTĐT giáo viên, CTĐT thuộc lĩnh vực pháp luật và CTĐT thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, CSĐT không được sử dụng để làm căn cứ xét tuyển trực tiếp (Quy chế thi tốt nghiệp THPT quy định “điểm xét tốt nghiệp” đã bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, mức ưu tiên không giống với mức ưu tiên trong Quy chế). Để tránh việc thí sinh cộng điểm ưu tiên 2 lần, nếu CSĐT sử dụng “điểm xét tốt nghiệp” để xét tuyển, thì phải trừ đi điểm ưu tiên đã

được cộng vào trong “điểm xét tốt nghiệp” sau đó mới cộng thêm ưu tiên theo quy định của Quy chế để xét tuyển.

5. Quy trình khai báo và xác nhận thông tin để thí sinh được hưởng ưu tiên theo đối tượng

- Thí sinh tải lên Hệ thống các file minh chứng được quy định tại Phụ lục VIII: "Các minh chứng để được hưởng ưu tiên đối tượng trong tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng".

- Điểm tiếp nhận, tải các file minh chứng kèm theo để kiểm tra, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì xác nhận đối tượng ưu tiên cho thí sinh, nếu không đúng thì từ chối xác nhận và thông báo cho thí sinh biết.

- Người dùng thuộc cơ sở giáo dục đại học, nơi tiếp nhận thí sinh đăng ký xét tuyển được xem, kiểm tra minh chứng ưu tiên của thí sinh

PHỤ LỤC 03

ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

PHỤ LỤC 04
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CẤP TÀI KHOẢN VÀ HỖ TRỢ
THÍ SINH TỰ DO TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
NĂM 2026

STT	Tên Đơn vị	Địa chỉ
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tầng 4,5,6 Tòa B khu TT Hành chính Hải Phòng
2	THPT Hồng Quang	Số 1 phố Chương Dương phường Lê Thanh Nghị
3	THPT Chí Linh	Số 354, Nguyễn Trãi - phường Chu Văn An
4	THPT Nam Sách	Số 151, Trần Phú, xã Nam Sách
5	THPT Thanh Hà	Thôn 7, Xã Thanh Hà
6	THPT Kinh Môn	TDP Tây Sơn, phường Kinh Môn
7	THPT Kim Thành	Số 59 đường Trần Hưng Đạo, xã Phú Thái
8	THPT Gia Lộc	Số 183 đường Nguyễn Chế Nghĩa, xã Gia Lộc
9	THPT Tứ Kỳ	Đường 391, Thôn La Tinh Nam, Xã Tứ Kỳ
10	THPT Cẩm Giàng	Thôn Tràng Kỹ, xã Mao Điền
11	THPT Bình Giang	Xã Đường An
12	THPT Thanh Miện	Xã Bắc Thanh Miện
13	THPT Ninh Giang	Khu 3 xã Ninh Giang
14	THPT An Dương	Tổ DP1, phường An Dương
15	THPT An Lão	Số 43 Lê Lợi, xã An Lão
16	THPT Bạch Đằng	Tổ dân phố Mỹ Liệt, Phường Lưu Kiếm
17	THPT Cát Bà	Số 79 đường Hà Sen, Đặc khu Cát Hải
18	THPT Đồ Sơn	Số 197 Lý Thánh Tông – phường Đồ Sơn
19	THPT Kiến An	Số 175 Phan Đăng Lưu, phường Phù Liễn
20	THPT Kiến Thụy	Thọ Xuân, xã Kiến Thụy
21	THPT Hồng Bàng	Số 991 đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Hồng Bàng
22	THPT Mạc Đĩnh Chi	Số 5 Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo
23	THPT Thái Phiên	Số 258 Đà Nẵng, phường Ngô Quyền
24	THPT Tiên Lãng	Thôn 7, xã Tiên Lãng
25	THPT Vĩnh Bảo	Số 30 - đường Nguyễn Bình Khiêm, thôn Đông Thái, xã Vĩnh Bảo
26	THPT Hải An	Số 1177 đường Ngô Gia Tự, phường Hải An
27	THPT Lê Chân	Khu 5, Phường An Biên

Phụ lục 05 – Mã trường và và khu vực ưu tiên cho việc đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng các trường THPT tại Hải Phòng năm 2026

STT	Mã Trường	Tên Trường	Địa Chỉ	Khu Vực
1.	201	THPT Bến Tắm	TDP khu 3 - phường Nguyễn Trãi	KV2
2.	202	THPT Bình Giang	Đường 392, Xã Đường An	KV2_NT
3.	203	THPT Cẩm Giàng	Thôn Tràng Kỹ, xã Mao Điền	KV2_NT
4.	204	THPT Cầu Xe	xã Lạc Phụng	KV2_NT
5.	205	THPT Chí Linh	354 , Nguyễn Trãi 1 , Phường Chu Văn An	KV2
6.	206	THPT Chu Văn An	Số 250, Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị	KV2
7.	207	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Linh, phường Lê Thanh Nghị	KV2
8.	208	THPT Cẩm Giàng II	Thôn Chi Thành, xã Mao Điền	KV2_NT
9.	209	THPT Đoàn Thượng	thôn Đĩnh Đào, xã Gia Phúc	KV2_NT
10.	210	THPT Đồng Gia	Thị tứ Đồng Gia, xã Kim Thành	KV2_NT
11.	211	THPT Đường An	Thôn Mỹ Trạch - Xã Đường An	KV2_NT
12.	212	THPT Gia Lộc	Số 183, đường Nguyễn Chế Nghĩa, xã Gia Lộc	KV2_NT
13.	213	THPT Hà Bắc	thôn Du La, xã Hà Bắc	KV2_NT
14.	214	THPT Hà Đông	Thôn Thành Thịnh, xã Hà Đông	KV2_NT
15.	215	THPT Hồng Quang	Số 1 phố Chương Dương, phường Lê Thanh Nghị	KV2
16.	216	THPT Hưng Đạo	Xã Đại Sơn	KV2_NT
17.	217	THPT Gia Lộc II	Số 622 đường Nguyễn Chế Nghĩa, xã Gia Lộc	KV2_NT
18.	218	THPT Kê Sắt	Số 506 - Đường Thống Nhất - Xã Kê Sắt	KV2_NT
19.	219	THPT Khúc Thừa Dụ	Thôn 3, xã Vĩnh Lại	KV2_NT
20.	220	THPT Kim Thành	02203721089	KV2_NT
21.	221	THPT Kinh Môn	TDP Tây Sơn, Phường Kinh Môn	KV2
22.	222	THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	thôn Tông Phố, xã Trần Phú	KV2_NT
23.	223	THPT Nam Sách	151 Đường Trần Phú, xã Nam Sách	KV2_NT
24.	224	THPT Kim Thành II	Thôn Tân Thành, xã Phú Thái	KV2_NT
25.	225	THPT Kinh Môn II	Số 506 Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Sư Mạnh	KV2
26.	226	THPT Nam Sách II	Thôn Bạch Đa - xã An Phú	KV2_NT
27.	227	THPT Nguyễn Du	Số 13 phố Đức Minh, phường Lê Thanh Nghị	KV2
28.	228	THPT Nguyễn Văn Cừ	Số 64 Trần Thánh Tông, Phường Hải Dương	KV2
29.	229	THPT Nhị Chiểu	Tổ dân phố Phú Thứ 1, phường Nhị Chiểu	KV2
30.	230	THPT Ninh Giang	Thôn 3, xã Ninh Giang	KV2_NT
31.	231	THPT Phả Lại	Số 108, đường Sùng Nghiêm, phường Chí Linh	KV2

STT	Mã Trường	Tên Trường	Địa Chỉ	Khu Vực
32.	232	THPT Phú Thái	Thôn Dưỡng Thái Nam, Xã Phú Thái	KV2_NT
33.	233	THPT Phúc Thành	Thôn Miêu Nha, Xã Nam An Phụ	KV2
34.	234	THPT Quang Thành	Thôn Thái Mông, xã Nam An Phụ	KV2
35.	235	THPT Quang Trung - Ninh Giang	Thôn Đào Lạng, xã Hồng Châu	KV2_NT
36.	236	THPT Sao Đỏ	Số 3 Vũ Công Đán, Phường Tứ Minh	KV2
37.	237	THPT Thanh Miện II	Xã Bắc Thanh Miện	KV2_NT
38.	238	THPT Thanh Bình	Thôn 5, xã Thanh Hà	KV2_NT
39.	239	THPT Thanh Hà	Thôn 7, Xã Thanh Hà	KV2_NT
40.	240	THPT Thanh Miện	xã Bắc Thanh Miện	KV2_NT
41.	241	THPT Trần Phú	Số 2 tuệ Tĩnh, Nguyễn Trãi 2, Phường Chu Văn An	KV2
42.	242	THPT Tứ Kỳ	Đường 391, xã Tứ Kỳ	KV2_NT
43.	243	THPT Tuệ Tĩnh	Thôn Nghĩa Phú, xã Tuệ Tĩnh	KV2_NT
44.	244	THPT Thanh Miện III	Thôn La Ngoại, xã Thanh Miện	KV2_NT
45.	250	THCS & THPT Marie Curie	Lô 46, đường Lương Thế Vinh, khu Đông Nam Cường, phường Tân Hưng	KV2
46.	251	THPT Ái Quốc	Tổ dân phố Tiên Trung, phường Ái Quốc	KV2
47.	252	THPT Hồng Đức	thôn Mai Động, xã Tân An	KV2_NT
48.	253	THPT Lương Thế Vinh - Hải Dương	Tổ dân phố Phú Tảo - P.Thạch Khôi	KV2
49.	254	THPT Ninh Giang II	Thôn 3, xã Ninh Giang	KV2_NT
50.	255	THPT Phan Bội Châu	115 Nguyễn Đăng Lành, xã Nam Sách	KV2_NT
51.	256	THPT Thành Đông	213 Hoàng Lộc, phường Lê Thanh Nghị	KV2
52.	257	THPT Trần Quang Khải	Số 5 đường Vũ Mạnh Hùng, Phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng	KV2
53.	258	THPT Tứ Kỳ II	Đường 391, xã Tứ Kỳ	KV2_NT
54.	259	THPT Vũ Ngọc Phan	Số 438, Đường Thống Nhất, Xã Kê Sắt	KV2_NT
55.	260	Tiểu học, THCS & THPT Lê Quý Đôn	xã Nguyễn Lương Bằng	KV2_NT
56.	301	THPT An Dương	Tổ dân phố 1, phường An Dương	KV2
57.	302	THPT An Lão	Số 43 Lê Lợi, Xã An Lão	KV2
58.	303	THPT Bạch Đằng	Tổ dân phố 1A, phường Lưu Kiếm	KV2
59.	304	THPT Cát Bà	Số 79, đường Hà Sen, Đặc khu Cát Hải	KV1
60.	305	THPT Cát Hải	Thôn Trung Lâm, Đặc khu Cát Hải	KV1
61.	306	THPT chuyên Trần Phú	Lô 10 A Lê Hồng Phong, Hải An	KV3
62.	307	THPT Cộng Hiền	Thôn Linh Đông 3, xã Vĩnh Hải	KV2
63.	308	THPT Đồ Sơn	Số 197 Lý Thánh Tông, phường Đồ Sơn	KV3
64.	309	THPT Đồng Hoà	Số 140, đường Đồng Hoà, phường Kiến An	KV3
65.	310	THPT Hải An	Số 1177 Ngô Gia Tự, phường Hải An	KV3
66.	311	THPT Hồng Bàng	991 đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Hồng Bàng	KV3
67.	312	THPT Hùng Thắng	Thôn 5, xã Hùng Thắng	KV2

STT	Mã Trường	Tên Trường	Địa Chỉ	Khu Vực
68.	313	THPT Kiến An	175 Phan Đăng Lưu, Phù Liễn	KV3
69.	314	THPT Kiến Thụy	Thôn Thọ Xuân, xã Kiến Thụy	KV2
70.	315	THPT Lê Chân	Khu 5, phường An Biên	KV3
71.	316	THPT Lê Hồng Phong	Số 4 Phạm Phú Thứ, Phường Hồng Bàng	KV3
72.	317	THPT Lê Ích Mộc	Thôn Kỳ Sơn 5, xã Việt Khê	KV2
73.	318	THPT Lê Quý Đôn	Số 150 Cát Bi, phường Hải An	KV3
74.	319	THPT Lý Thường Kiệt	TDP Thủy Sơn 7, Phường Thủy Nguyên	KV2
75.	320	THPT Mạc Đĩnh Chi	số 5 Mạc Đăng Doanh, Anh Dũng, phường Hưng Đạo.	KV3
76.	321	THPT Ngô Quyền	Số 2 Mê Linh, phường Lê Chân	KV3
77.	322	ThPT Nguyễn Bình Khiêm	xã Nguyễn Bình Khiêm	KV2
78.	323	THPT Nguyễn Đức Cảnh	Xã Kiến Hải - TP Hải Phòng	KV2
79.	324	THPT Nguyễn Khuyến	Thôn Bắc Hải, xã Vĩnh Bảo	KV2
80.	325	THPT Nguyễn Trãi	Tổ dân phố Nam Hoà, phường Hồng An	KV2
81.	326	THPT Nhữ Văn Lan	Thôn Trung Lãng Đông, xã Tiên Lãng	KV2
82.	327	THPT Phạm Ngũ Lão	TDP7 Ngũ Lão, phường Bạch Đằng	KV2
83.	328	THPT Phan Đăng Lưu	Số 165 Hoàng Quốc Việt, Phù Liễn	KV3
84.	329	THPT Quang Trung	Tổ dân phố Cao Nhân 9, Phường Lê Ích Mộc	KV2
85.	330	THPT Quốc Tuấn	Thôn Đông Nham - xã An Quang	KV2
86.	331	THPT Thái Phiên	Số 258 Đường Đà Nẵng, Phường Ngô Quyền	KV3
87.	332	THPT Thụy Hương	Thôn Trà Phương, xã Kiến Thụy	KV2
88.	333	THPT Thủy Sơn	TDP Thủy Sơn 7, phường Thủy Nguyên	KV2
89.	334	THPT Tiên Lãng	Thôn 7, Xã Tiên Lãng	KV2
90.	335	THPT Tô Hiệu	Đường 10, Xã Vĩnh Thịnh	KV2
91.	336	THPT Toàn Thắng	Đường 212, xã Tiên Minh	KV2
92.	337	THPT Trần Hưng Đạo	Thôn Quán Bể, Xã An Hưng	KV2
93.	338	THPT Trần Nguyên Hãn	Số 62 phố An Dương, phường An Biên	KV3
94.	339	THPT Vĩnh Bảo	Số 30 đường Nguyễn Bình Khiêm thôn Đông Thái xã Vĩnh Bảo TP Hải Phòng	KV2
95.	340	THCS và THPT Lý Thánh Tông	Số 6 Lý Thánh Tông, phường Đồ Sơn	KV3
96.	350	THPT Anhtanh	29 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền	KV3
97.	351	PT Hermann Gmeiner Hải Phòng	543 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng	KV3
98.	352	THCS VÀ THPT FPT	Địa chỉ: Khu tái định cư Đằng Lâm 1, Phường Hải An	KV3
99.	353	THPT 25-10	Tổ Dân Phố Thủy Sơn 6, Phường Thủy Nguyên	KV2
100.	354	THPT An Hải	Tổ dân phố 7, phường An Dương	KV2
101.	355	THPT Hàng Hải	Số 912 Thiên Lôi, phường Lê Chân	KV3
102.	356	THPT Hùng Vương	498 Đà Nẵng, phường Đông Hải	KV3

STT	Mã Trường	Tên Trường	Địa Chỉ	Khu Vực
103.	357	THPT Hữu Nghị Quốc Tế	Số 36, đường Dân Lập, phường Lê Chân	KV3
104.	358	THPT Hàng hải 1	Phương Khê, phường Kiến An	KV3
105.	359	THPT Lương Khánh Thiện	Số 7 Minh Khai, Phường Hồng Bàng	KV3
106.	360	THPT Lương Thế Vinh	Lô TH- Khu nhà Himlam Hùng Vương, phường Hồng Bàng	KV3
107.	361	THPT Marie Curie	Ngõ Nam Pháp 1 - đường Lạch Tray - Phường Gia Viên	KV3
108.	362	THPT Nam Triệu	TDP Bắc, phường Nam Triệu	KV2
109.	363	THPT Nguyễn Huệ	Thôn Cẩm Xuân, xã Kiến Thụy	KV2
110.	364	THPT Phan Chu Trinh	Số 29 Lục hành, Phường Hải An	KV3
111.	365	THPT Quảng Thanh	Tổ dân phố Quảng Thanh 2, Phường Lê Ích Mộc	KV2
112.	366	THPT Tân An	Số 01 TDP Kinh Giao, phường An Dương	KV2
113.	367	THPT Tân Trào	Số 856 Trần Tất Văn, An Khánh	KV2
114.	368	THPT Thăng Long	Số 49/201 Lạch Tray, Phường Gia Viên	KV3
115.	369	THPT Trần Tất Văn	Thôn Quyết Tiến 2, xã An Lão	KV2
116.	370	TH, THCS, THPT Dewey	Đường 11, khu đô thị sao đỏ, Anh Dũng 2, Hưng Đạo	KV3
117.	371	TH-THCS-THPT EDISON	Số 196/143 Trường Chinh, Kiến An	KV3
118.	372	TH, THCS và THPT Lý Thái Tổ	Số 1/271 Trần Nguyên Hãn, An Biên	KV3
119.	373	TH-THCS-THPT Nguyễn Tất Thành	Số 36/84 Dân Lập, Phường Lê Chân	KV3
120.	374	Tiểu học, THCS và THPT Vinschool Imperia	Khu đô thị Vinhomes Imperia, Phường Hồng Bàng	KV3
121.	401	THPT Sao Đỏ (Hệ GDTX)	Số 3 Vũ Công Đán, Phường Tứ Minh	KV2
122.	402	Trung tâm GDTX - Ngoại ngữ, Tin học Hải Dương	310 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị	KV2
123.	403	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Giang	Thôn Mỹ Trạch-Xã Đường An-TP Hải Phòng	KV2_NT
124.	404	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Giàng	Tràng Kỹ, Mao Điền	KV2_NT
125.	405	TT GDNN-GDTX Chí Linh	Số 94 Yết Kiêu, TDP Mít Sắt, phường Chu Văn An	KV2
126.	406	Trung tâm GDNN-GDTX Gia Lộc	245 đường Lê Thanh Nghị, xã Gia Lộc	KV2_NT
127.	407	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Dương	Số 95 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị	KV2
128.	408	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Thành	thôn Bắc, xã Lai Khê	KV2_NT
129.	409	Trung tâm GDNN-GDTX Kinh Môn	Số 293 Trần Hưng Đạo, phường Kinh Môn	KV2
130.	410	TT GDNN-GDTX Nam Sách	121 Nguyễn Văn Trỗi - xã Nam Sách	KV2_NT

STT	Mã Trường	Tên Trường	Địa Chỉ	Khu Vực
131.	411	Trung tâm GDNN-GDTX Ninh Giang	Cầu Me, xã Ninh Giang	KV2_NT
132.	412	TT GDNN-GDTX Thanh Hà	Số 227, Đường Trần Nhân Tông, Thôn 5, Xã Thanh Hà	KV2_NT
133.	413	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Miện	Số 46, Đường 18/8, xã Thanh Miện	KV2_NT
134.	414	Trung tâm GDNN-GDTX Tứ Kỳ	CS1: Đường 391, Xã Đại Sơn	KV2_NT
135.	415	Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng	30 Tổng Duy Tân, phường Hải Dương	KV2
136.	416	TT GDNN GDTX Lương Khánh Thiện	Số 33 Trần Văn Giang, Phường Hải An	KV3
137.	417	Trung tâm GDTX Hải Phòng	Số 33 đường Nguyễn Đức Cảnh - phường Lê Chân	KV3
138.	418	Trung tâm GDTX Hải Phòng - Điểm Thủy Nguyên	Tổ dân phố Thủy Sơn 7, Phường Thủy Nguyên	KV2
139.	419	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS Hồng Bàng	Phố Quán Toan 1, phường Hồng An	KV3
140.	420	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS An Dương	Số 77, Tổ dân phố 4, Phường An Dương	KV2
141.	421	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS Ngô Quyền	Số 147 Nguyễn Hữu Tuệ - Gia Viên	KV3
142.	422	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS Lê Chân	Số 8/170 Hai Bà Trưng - Lê Chân	KV3
143.	423	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS Hải An	Số 70 phố Nam Trung Hành, phường Hải An	KV3
144.	424	TT GDTX Hải Phòng CS Dương Kinh	Tổ dân phố Hải Thành 3, phường Dương Kinh	KV3
145.	425	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS Kiến An	Số 87 đường Nguyễn Lương Bằng-Phù Liễn	KV3
146.	426	Trung tâm GDTX Hải Phòng - Điểm Đồ Sơn	Đình Đoài, Phường Đồ Sơn	KV3
147.	427	Trung tâm GDTX Hải Phòng cơ sở Kiến Thụy	Số 5 thôn Hồ Sen, xã Kiến Thụy	KV2
148.	428	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS Tiên Lãng	Số 8 Thôn Cựu Đồi Xã Tiên Lãng	KV2
149.	429	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS Vĩnh Bảo	Thôn Bắc Hải, xã Vĩnh Bảo	KV2
150.	430	Trung tâm GDTX Hải Phòng CS An Lão	Ngõ 94, đường Nguyễn Văn Trỗi - An Lão	KV2
151.	431	Trung tâm GDTX Hải Phòng - Điểm Cát Hải	Thôn 6 Cát Bà, đặc khu Cát Hải	KV1
152.	804	Chưa xác định	Chưa rõ ràng	KV3
153.	900	Quân nhân, công an tại ngũ_31	Tòa B Trung tâm chính trị - hành chính Thành phố, Thủy Nguyên,	KV3

